

## BÁO CÁO

### Tình hình hoạt động ngành Công Thương 6 tháng đầu năm, phương hướng triển khai nhiệm vụ 6 tháng cuối năm 2020

#### I. Đặc điểm tình hình:

Trong 6 tháng đầu năm 2020, tình hình kinh tế - xã hội tỉnh Thái Nguyên cũng như cả nước gặp nhiều khó khăn do chịu tác động, ảnh hưởng lớn từ đại dịch Covid-19 (*sản xuất công nghiệp; xuất nhập khẩu; thương mại, dịch vụ...sụt giảm mạnh do bị gián đoạn cả phía cung và cầu*), nhưng dưới sự chỉ đạo quyết liệt của Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh, cùng với sự đoàn kết, thống nhất, chung sức, đồng lòng và nỗ lực phấn đấu của các cấp, ngành, sự đồng thuận của nhân dân và cộng đồng doanh nghiệp trong thực hiện nhiệm vụ kép “vừa đẩy mạnh công tác phòng, chống, giảm thiểu tác động của dịch Covid-19, vừa tháo gỡ khó khăn cho sản xuất kinh doanh” nên việc triển khai các Nghị quyết của Chính phủ, Tỉnh ủy, HĐND và Kế hoạch của UBND tỉnh về nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2020 đạt được kết quả nhất định.

Tính đến đầu tháng 5/2020, tình hình dịch bệnh trong nước đã cơ bản được kiểm soát, hoạt động sản xuất công nghiệp trên địa bàn tỉnh đang từng bước phục hồi; giá trị sản xuất công nghiệp 6 tháng đầu năm 2020 ước đạt 298.984 tỷ đồng, giảm 12,8% so với cùng kỳ, bằng 37,2% KH năm; tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng ước đạt 18.271,6 tỷ đồng, tăng 1,2%, bằng 43,7% KH năm; giá trị xuất khẩu ước đạt 11,3 tỷ USD, giảm 18,7%, bằng 38,3% KH năm.

#### II. Tình hình hoạt động ngành Công Thương 6 tháng đầu năm 2020

##### 1. Chỉ tiêu kế hoạch năm 2020

- **Giá trị sản xuất công nghiệp:** Tổng GTSXCN trên địa bàn (giá so sánh 2010): 803.300 tỷ đồng, tăng 8% so với ước thực hiện năm 2019. Trong đó:

- + Công nghiệp Trung ương đạt 24.603 tỷ đồng, tăng 7,2%;
- + Công nghiệp địa phương đạt 32.605 tỷ đồng, tăng 8,6%;
- + Công nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài đạt 746.092 tỷ đồng, tăng 8%.

- **Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng** (giá hiện hành): 41.855 tỷ đồng, tăng 11,9% so với ước thực hiện năm 2019.

- **Kim ngạch xuất khẩu:** 29.500 triệu USD, tăng 7% so với ước thực hiện năm 2019. Trong đó, xuất khẩu địa phương là 680 triệu USD, tăng 21,7%.

##### 2. Kết quả thực hiện một số chỉ tiêu chủ yếu 6 tháng năm 2020

## **2.1. Giá trị sản xuất công nghiệp**

Tính chung 6 tháng đầu năm 2020: Giá trị sản xuất công nghiệp trên địa bàn ước đạt 298.984 tỷ đồng, giảm 12,8% so với cùng kỳ, bằng 37,2% KH năm. Trong đó: Giá trị sản xuất công nghiệp trung ương ước đạt 9.985,1 tỷ đồng, giảm 1,8%, bằng 40,6% KH năm; công nghiệp địa phương ước đạt 11.307 tỷ đồng, giảm 17,9%, bằng 34,7% KH năm; công nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài ước đạt 277.692 tỷ đồng, giảm 12,9%, bằng 37,2% KH năm.

Các sản phẩm công nghiệp chủ yếu tăng so với cùng kỳ: Tai nghe ước đạt 22,1 Tr.SP, tăng 22%, bằng 51,4% KH; xi măng ước đạt 1,29 triệu tấn, tăng 17,5%, bằng 52,1% KH; sắt thép các loại ước đạt 763 nghìn tấn, tăng 11,4%, bằng 60,6% KH; điện sản xuất ước đạt 955 Tr.Kwh, tăng 6,4%; đá khai thác ước đạt 2.431,9 nghìn m<sup>3</sup>, tăng 1,5%; đồng tinh quặng (Cu>20%) ước đạt 21,1 nghìn tấn, tăng 0,6%... Nhóm sản phẩm công nghiệp chủ yếu giảm so với cùng kỳ: Mạch điện tử tích hợp ước đạt 49 Tr.SP, giảm 2,6%, bằng 37,7% KH; than sạch khai thác ước đạt 728,4 nghìn tấn, giảm 2,7%, bằng 56% KH; gạch xây dựng bằng gốm, sứ ước đạt 31,1 Tr.SP, giảm 2,9%; điện thương phẩm ước đạt 2.228,1 Tr.Kwh, giảm 6,9%, bằng 40,9% KH; thiết bị và dụng cụ khác trong y khoa ước đạt 717,7 Tr.SP, giảm 7,6%; nước máy thương phẩm ước đạt 13.721 nghìn m<sup>3</sup>, giảm 7,9%, bằng 42,9% KH; Vonfram và sản phẩm của Vonfram ước đạt 7,3 nghìn tấn, giảm 8,8%, bằng 47,4% KH; quặng sắt và tinh sắt chưa nung ước đạt 779,2 nghìn tấn, giảm 16,4%; sản phẩm may ước đạt 34,9 Tr.SP, giảm 18,3%, bằng 39% KH; điện thoại thông minh ước đạt 39,6 Tr.SP, giảm 20,1%, bằng 36,7% KH; camera truyền hình ước đạt 26,9 Tr.SP, giảm 33,7%, bằng 39,5% KH; máy tính bảng ước đạt 5 Tr.SP, giảm 48,1%, bằng 28,5% KH...

## **2.2. Kinh doanh thương mại, dịch vụ, chỉ số giá tiêu dùng**

Tính chung 6 tháng đầu năm 2020, tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng ước đạt 18.271,6 tỷ đồng, tăng 1,2% so với cùng kỳ, bằng 43,7% KH năm. Trong đó, khu vực kinh tế nhà nước ước đạt 979,2 tỷ đồng, tăng 0,5%; khu vực kinh tế ngoài nhà nước ước đạt 17.195,8 tỷ đồng, tăng 1,2%; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài ước đạt 96,6 tỷ đồng, tăng 2,6%.

Chỉ số giá tiêu dùng bình quân 6 tháng đầu năm tăng khoảng 6,3% so với bình quân cùng kỳ năm 2019.

## **2.3. Kim ngạch xuất, nhập khẩu**

- Xuất khẩu: Tính chung 6 tháng đầu năm 2020, tổng giá trị xuất khẩu trên địa bàn tỉnh ước đạt 11,3 tỷ USD, giảm 18,7% so với cùng kỳ, đạt 38,3% KH năm. Trong đó, xuất khẩu Trung ương ước đạt 7,5 Tr.USD, tăng 74,4%; xuất khẩu địa phương ước đạt 180,4 Tr.USD, giảm 22,4%, bằng 26,5% KH năm; xuất khẩu của khu vực kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài ước đạt 11,1 tỷ USD, giảm 18,6%.

Mặt hàng xuất khẩu chủ yếu 6 tháng đầu năm 2020 so với cùng kỳ: Giấy và các sản phẩm từ giấy ước đạt 1,1 Tr.USD, tăng 7,6%, bằng 48,9% KH; sản phẩm từ sắt thép ước đạt 41,3 Tr.USD, giảm 2,2%, bằng 49,4% KH; phụ tùng vận tải ước đạt 3,3 Tr.USD, giảm 16,1%; nhóm điện thoại, máy tính bảng và điện tử ước đạt 11,1 tỷ USD, giảm 18%, bằng 38,4% KH; sản phẩm may ước đạt 117,6 Tr.USD, giảm 25,8%, bằng 29,6% KH; kim loại màu và tinh quặng kim loại màu ước đạt 85,3 Tr.USD, giảm 39%, bằng 33,4% KH; chè các loại ước đạt 0,5 Tr.USD, giảm 69,2%, bằng 23,8% KH...

Nhập khẩu: Tính chung 6 tháng đầu năm 2020, tổng giá trị hàng hóa nhập khẩu trên địa bàn ước đạt 6.260,8 Tr.USD, giảm 20,8% so với cùng kỳ. Trong đó, khu vực kinh tế trong nước ước đạt 83,9 Tr.USD, giảm 42,9%; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài ước đạt: 6.175 Tr.USD, giảm 20,4% (*chiếm 98,6% tổng giá trị nhập khẩu trên địa bàn tỉnh*).

Mặt hàng nhập khẩu chủ yếu 6 tháng đầu năm 2020 so với cùng kỳ: Sản phẩm từ sắt thép ước đạt 19,2 Tr.USD, giảm 1,3%; nguyên liệu chế biến thức ăn gia súc ước đạt 14,7 Tr.USD, giảm 9,9%; nguyên liệu và linh kiện điện tử ước đạt 6.056,1 Tr.USD, giảm 19,9%; vải các loại ước đạt 60,4 Tr.USD, giảm 24,8%; giấy các loại ước đạt 1,9 Tr.USD, giảm 36,5%; nguyên, phụ liệu dệt may ước đạt 4,7 Tr.USD, giảm 38%; chất dẻo (plastic) nguyên liệu ước đạt 44,2 Tr.USD, giảm 47,9%; máy móc thiết bị, dụng cụ phụ tùng ước đạt 20,9 Tr.USD, giảm 69,4%...

### **3. Các hoạt động quản lý nhà nước**

Hướng dẫn, giám sát, kiểm tra thực hiện các Quy hoạch phát triển Công nghiệp, Thương mại, Điện lực, mạng lưới kinh doanh xăng dầu, khí dầu mỏ hóa lỏng và Quy hoạch các loại khoáng sản... triển khai thực hiện các chương trình, đề án, dự án của Ngành năm 2020.

Trình UBND tỉnh: Thành lập Ban chỉ đạo Tết Nguyên đán Canh Tý 2020; kế hoạch thực hiện các hoạt động phục vụ Tết Nguyên đán Canh Tý 2020; phê duyệt Kế hoạch tổ chức chuỗi sự kiện ngành Công Thương năm 2020; kiện toàn Ban chỉ đạo và Tổ chuyên viên giúp việc Ban chỉ đạo bảo vệ an toàn lưới điện cao áp tỉnh Thái Nguyên; ban hành Quy chế quản lý kinh phí khuyến công địa phương tỉnh Thái Nguyên; Quy chế bình chọn sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên thay thế Quyết định số 37/2012/QĐ-UBND; đề cương Chương trình phát triển công nghiệp hỗ trợ trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2020-2025; thay đổi chủ đầu tư dự án xây dựng và kinh doanh hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp Cây Bòng, xã La Hiên, huyện Võ Nhai; thẩm định Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư Tiểu dự án cấp điện nông thôn bằng nguồn năng lượng tái tạo tỉnh Thái Nguyên do EU tài trợ; phê duyệt đề án khuyến công địa phương đợt I năm 2020; kết quả đánh giá hồ sơ đề xuất kỹ thuật các gói thầu xây lắp và gói thầu tư vấn giám sát thi công xây dựng dự án cấp điện nông thôn từ lưới điện quốc

gia tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2018-2020 do EU tài trợ; dự thảo Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 55-NQ/TU ngày 11/02/2020 của Bộ Chính trị.

Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ chính trị giai đoạn 2015-2020; thực hiện các biện pháp, giải pháp nâng cao Chỉ số PAPI năm 2019; thực hiện Nghị quyết số 39-NQ/TW, 18- NQ/TW, 19-NQ/TW của Ban Chấp hành TW Đảng; Chỉ thị số 50-CT/TW ngày 07/12/2015 của Bộ Chính trị về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phát hiện, xử lý vụ việc, vụ án tham nhũng; số 47-CT/TW ngày 25/6/2015 về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phòng cháy, chữa cháy; Nghị quyết số 83/2015/NQ-HĐND về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2016-2020; nội dung quản lý nhà nước về lĩnh vực điện lực được phân cấp; thực hiện giảm giá điện, giảm tiền điện cho các khách hàng sử dụng điện bị ảnh hưởng của dịch Covid 19, ban hành danh sách cơ sở sử dụng năng lượng trọng điểm năm 2019; thực hiện giá bán lẻ điện cho sinh viên, người lao động thuê nhà để ở; thực hiện Chương trình phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, làng nghề tỉnh Thái Nguyên năm 2019 nhiệm vụ và giải pháp hoàn thành kế hoạch năm 2020; thực hiện công tác thanh tra, tiếp công dân giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng chống tham nhũng; thực hiện các Hiệp định thương mại tự do mà Việt Nam là thành viên; tham mưu về xuất khẩu tinh quặng đồng tồn kho của Công ty TNHH khoáng sản Núi Pháo; làm rõ nguồn nguyên liệu cho dự án Nhà máy tinh luyện kim loại màu Núi Pháo; công tác nội chính, phòng chống tham nhũng và cải cách tư pháp quý I/2020; kết quả thực hiện Cuộc vận động Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam năm 2019, kế hoạch nhiệm vụ năm 2020; đánh giá thực hiện Chương trình 135 giai đoạn 2016-2020 và đề xuất cho giai đoạn 2021-2025; số liệu về phát triển chính phủ điện tử quý I năm 2020...

Tổ chức kiểm tra, khảo sát tình hình cung ứng hàng hóa thiết yếu và tuyên truyền biện pháp phòng, chống dịch viêm đường hô hấp do chủng mới của virus Corona (nCoV) tại các chợ, siêu thị, trung tâm thương mại và một số đơn vị đầu mối cung ứng trên địa bàn tỉnh; kế hoạch dự trữ, cung ứng hàng hóa thiết yếu phục vụ đời sống Nhân dân trong điều kiện phòng, chống dịch Covid-19 trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên; kế hoạch tăng cường đưa sản phẩm tại Điểm bán hàng Việt Nam đến tay người tiêu dùng; kế hoạch tổ chức chuỗi sự kiện ngành công thương năm 2020; biện pháp phòng dịch Covid-19 trong công tác quản lý hoạt động bán hàng đa cấp; hướng dẫn các huyện, thành phố, thị xã xây dựng Phương án cung ứng hàng hóa thiết yếu phục vụ nhu cầu tiêu dùng và công tác phòng, chống dịch covid-19; Kế hoạch tổ chức thi tuyển công chức năm 2020; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2020; xây dựng Đề án giải pháp giảm sản xuất, sử dụng nhựa, túi ni lông khó phân hủy trên địa bàn tỉnh; kế hoạch thực hiện công tác pháp chế và hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp năm 2020; lập danh sách doanh nghiệp, cơ sở kinh tế thực hiện điều tra năng lực sản xuất của một số sản phẩm công nghiệp năm 2020; thông tin tới các doanh nghiệp tình hình xuất nhập khẩu tại các cửa khẩu; Chương

trình “Xúc tiến thương mại, hỗ trợ xây dựng và phát triển thương hiệu sản phẩm nông sản tỉnh Thái Nguyên” năm 2020...

Tham gia góp ý: Các dự thảo Nghị định, thông tư hướng dẫn, chương trình, quy hoạch, đề án... thẩm tra các dự án thuộc lĩnh vực công nghiệp, thương mại trên địa bàn tỉnh.

Kết quả giải quyết thủ tục hành chính tại Sở Công Thương trong 6 tháng đầu năm 2020: Giải quyết được 4.094 thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông. Cụ thể các lĩnh vực: Lưu thông hàng hóa trong nước 115 hồ sơ; công nghiệp địa phương: 54 hồ sơ; vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ 28 hồ sơ; an toàn thực phẩm 11 hồ sơ; quản lý cạnh tranh 04 hồ sơ; hóa chất 01 hồ sơ; xúc tiến thương mại 3.881 hồ sơ.

Chủ trì thanh tra, kiểm tra việc chấp hành các quy định của pháp luật về kinh doanh sản phẩm thuốc lá đối với 06 đơn vị. Tham gia Đoàn kiểm tra liên ngành về tình hình kinh doanh các sản phẩm, hàng hóa, thực phẩm phục vụ công tác phòng, chống dịch bệnh viêm đường hô hấp cấp do chủng mới của virus Corona gây ra trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên theo Quyết định số 301/QĐ-UBND ngày 04/02/2020 của UBND tỉnh Thái Nguyên. Duy trì, phát triển: Trang Website, Bản tin Kinh tế Công Thương, Sàn giao dịch TMĐT tỉnh Thái Nguyên, website chèn và truy xuất nguồn gốc hỗ trợ doanh nghiệp mã QR code; dịch vụ công trực tuyến cấp độ 3,4; công tác tiếp dân và giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo theo quy định.

### **III. Nhiệm vụ, giải pháp những tháng còn lại của năm 2020**

- Tiếp tục hoàn thiện các nhiệm vụ trong Chương trình công tác ngành năm 2020; Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 01/01/2020 của Chính phủ về những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán Ngân sách nhà nước năm 2020; Nghị quyết số 02/NQ-CP ngày 01/01/2020 của Chính phủ về tiếp tục thực hiện những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2020; Kết luận số 465-KL/TU ngày 25/11/2018 của BCH Đảng bộ tỉnh Thái Nguyên khóa XIX về thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2019 và mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2020; Quyết định số 4070/QĐ-UBND ngày 18/12/2018 của UBND tỉnh Thái Nguyên về việc giao kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Thái Nguyên năm 2020...

- Tiếp tục triển khai, giám sát, kiểm tra việc thực hiện các Quy hoạch, định hướng phát triển Công nghiệp, Thương mại, kết cấu hạ tầng Thương mại; Điện lực và các Quy hoạch khoáng sản; quản lý phát triển Cụm công nghiệp và các chương trình, dự án, đề án của ngành.

- Rà soát, tổng hợp, phân tích các định hướng quy hoạch lĩnh vực ngành để tham mưu, đề xuất Ban chỉ đạo tích hợp vào Quy hoạch tỉnh Thái Nguyên thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.

- Xây dựng, trình UBND tỉnh ban hành Chương trình phát triển công nghiệp hỗ trợ trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2020-2025; Chương trình quốc gia về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả giai đoạn 2020-2030 trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên; Chỉ thị tiết kiệm điện giai đoạn 2020-2025.

- Thẩm định; cấp giấy phép, giấy chứng nhận thuộc lĩnh vực quản lý của ngành; tham gia ý kiến thiết kế cơ sở dự án đầu tư các công trình Công Thương.

- Phối hợp với Cục Công Thương địa phương tổ chức chuỗi sự kiện: Hội nghị ngành Công Thương, Hội nghị khuyến công 28 tỉnh khu vực Phía Bắc và Hội chợ triển lãm hàng công nghiệp nông thôn tiêu biểu khu vực phía Bắc năm 2020.

- Tăng cường đối thoại giữa cơ quan nhà nước và doanh nghiệp để kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong quá trình sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp đảm bảo tiến độ thực hiện các dự án, nhất là các dự án công trình quan trọng của Ngành.

- Tăng cường công tác quản lý nhà nước về thị trường, giá cả, chất lượng hàng hoá và vệ sinh an toàn thực phẩm... kịp thời phát hiện và xử lý nghiêm các hành vi vi phạm quy định của pháp luật.

- Nâng cao hiệu quả hoạt động khuyến công, xúc tiến thương mại góp phần khuyến khích, hỗ trợ đầu tư và phát triển sản xuất (đặc biệt là các ngành nghề mới, tiểu thủ công nghiệp và làng nghề, sản xuất các sản phẩm mũi nhọn có tiềm năng, lợi thế của tỉnh): Tổ chức Chương trình đưa hàng Việt về miền núi; hội chợ triển lãm “Mỗi xã, phường một sản phẩm - Thái Nguyên năm 2020”...

- Tổ chức các lớp đào tạo, tập huấn về: Nâng cao trình độ các cán bộ quản lý ngành và cơ sở, kỹ năng lãnh đạo và quản trị kinh doanh, an toàn môi trường công nghiệp, đào tạo nghề, công tác bảo hộ lao động...theo chức năng nhiệm vụ của Ngành cũng như mục tiêu điều chỉnh cơ cấu lao động theo chuyển dịch cơ cấu kinh tế nội Ngành... Chủ trì hoặc phối hợp tổ chức các đoàn thanh, kiểm tra; tiếp nhận, giải quyết và trả lời các đơn thư khiếu nại về lĩnh vực công thương.

- Duy trì vận hành trang Website của sở Công Thương, phần mềm Dịch vụ công trực tuyến cấp độ 3, 4 đối với các thủ tục hành chính cấp tại Sở; vận hành Sàn giao dịch thương mại điện tử để giới thiệu sản phẩm, phát triển thị trường, đẩy mạnh giao thương và thu hút đầu tư vào Thái Nguyên.

#### **IV. Đề xuất, kiến nghị**

##### **1. Với UBND tỉnh Thái Nguyên**

- Chỉ đạo các sở, ban, ngành và UBND các huyện, thành phố, thị xã tạo điều kiện thuận lợi trong thu hút cũng như đẩy nhanh tiến độ triển khai các dự án thuộc lĩnh vực công nghiệp, thương mại trên địa bàn tỉnh (đặc biệt trong hỗ trợ giải phóng mặt bằng các Cụm công nghiệp để mời gọi các dự án; triển khai đầu tư xây dựng Chợ vùng Việt Bắc và trung tâm hội chợ triển lãm).

- Đẩy nhanh tiến độ triển khai lập quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Thái Nguyên thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 theo quy định của Luật quy hoạch.

- Đẩy nhanh tiến độ và đảm bảo kinh phí cho các Chương trình, Đề án, Dự án, hoạt động khuyến công, xúc tiến thương mại... phục vụ cho công tác quản lý của Ngành (đặc biệt lưu ý trang bị các thiết bị chuyên dùng phục vụ công tác quản lý nhà nước của ngành: Bình lường kiểm tra xăng dầu, thiết bị kiểm tra nhanh vệ sinh an toàn thực phẩm, máy đo nồng độ hóa chất độc hại trong môi trường lao động...).

- Quan tâm, phê duyệt ban hành Kế hoạch và chỉ đạo các đơn vị liên quan phối hợp tổ chức thành công chuỗi sự kiện ngành Công Thương năm 2020.

## **2. Với Chính phủ và các Bộ, Ngành Trung ương**

- Ưu tiên nguồn vốn cho các dự án công thương lớn trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên; tiếp tục hỗ trợ nguồn kinh phí khuyến công, xúc tiến thương mại, đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật các khu, cụm công nghiệp; xây dựng kết cấu hạ tầng thương mại (chợ nông thôn, chợ đầu mối và mô hình chợ thí điểm bảo đảm an toàn thực phẩm...), hạ tầng điện (trong đó, có dự án điện nông thôn), Chương trình quốc gia về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả... năm 2020.

- Tiếp tục giúp tỉnh Thái Nguyên thu hút đầu tư, giới thiệu các Tập đoàn kinh tế lớn trong và ngoài nước đầu tư các dự án, công trình công nghiệp, thương mại, hạ tầng kỹ thuật công thương...

- Đôn đốc, đẩy nhanh tiến độ một số dự án, công trình lớn đang đầu tư trên địa bàn tỉnh.

Trên đây là báo cáo tổng hợp báo cáo 6 tháng đầu năm 2020, nhiệm vụ giải pháp những tháng còn lại năm 2020 của ngành Công Thương Thái Nguyên./.

### ***Nơi nhận:***

- TT Tỉnh ủy, TT HĐND, UBND tỉnh (b/c);
- Bộ Công Thương (b/c);
- Cục CNĐP; Vụ Kế hoạch BCT (b/c);
- Lãnh đạo Sở;
- TT.XTTM (đăng website);
- Lưu: VT, P.KHTCTH.

**GIÁM ĐỐC**

**Nguyễn Ngô Quyết**

*Phụ lục*

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2019	Năm 2020			Tỷ lệ 6 tháng năm 2020 (%)	
			TH 6 tháng	TH tháng 5	Kế hoạch	ƯTH 6 tháng	So với cùng kỳ	So với KH
A	B	C	I	2	3	4	5=4/1	6=4/3
<b>I</b>	<b>Giá trị sản xuất công nghiệp (giá so sánh 2010)</b>	Tỷ.đ	<b>342.707,4</b>	<b>55.564,9</b>	<b>803.300</b>	<b>298.984</b>	<b>87,2</b>	<b>37,2</b>
<b>1</b>	<b>Phân theo loại hình kinh tế</b>							
	- Trung ương	Tỷ.đ	10.173,3	1.855,7	24.603	9.985,1	98,2	40,6
	- Địa phương	Tỷ.đ	13.767,5	2.101,4	32.605	11.307	82,1	34,7
	Khu vực có vốn đầu tư nước ngoài		318.766,6	51.607,8	746.092	277.692	87,1	37,2
<b>II</b>	<b>Sản lượng một số sản phẩm công nghiệp chủ yếu</b>							
<b>1</b>	Than sạch khai thác	nghìn tấn	748,8	132,1	1.300,0	728,4	97,3	56,0
<b>2</b>	Quặng sắt và tinh sắt chưa nung	nghìn tấn	931,8	132,9		779,2	83,6	
<b>3</b>	Đá khai thác	nghìn m <sup>3</sup>	2.397,0	436,9		2.431,9	101,5	
<b>4</b>	Sản phẩm may	Tr.SP	42,8	5,5	89,7	34,9	81,7	39,0
<b>5</b>	Gạch xây dựng bằng gốm, sứ	Tr.SP	32,0	5,6		31,1	97,1	
<b>6</b>	Xi măng	nghìn tấn	1.100,0	226,9	2.480,0	1.292,3	117,5	52,1
<b>7</b>	Sắt thép các loại	nghìn tấn	685,0	137,2	1.260,0	763,0	111,4	60,6
<b>8</b>	Đồng tinh quặng (Cu>20%)	nghìn tấn	21,0	3,3		21,1	100,6	
<b>9</b>	Vonfram và sản phẩm của Vonfram	nghìn tấn	8,0	1,3	15,4	7,3	91,2	47,4
<b>10</b>	Máy tính bảng	Tr.SP	9,6	0,3	17,5	5,0	51,9	28,5
<b>11</b>	Điện thoại thông minh	Tr.SP	49,6	7,5	108,0	39,6	79,9	36,7



TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2019	Năm 2020			Tỷ lệ 6 tháng năm 2020 (%)	
			TH 6 tháng	TH tháng 5	Kế hoạch	ƯTH 6 tháng	So với cùng kỳ	So với KH
A	B	C	I	2	3	4	5=4/1	6=4/3
12	Mạch điện tử tích hợp	Tr.SP	50,3	6,8	130,0	49,0	97,4	37,7
13	Camera truyền hình	Tr.SP	40,5	1,9	68,0	26,9	66,3	39,5
14	Tai nghe	Tr.SP	18,1	2,5	43,0	22,1	122,0	51,4
15	Phụ tùng khác của xe có động cơ	Tr.SP		4,7		29,1		
16	Thiết bị và dụng cụ khác trong y khoa	Tr.SP	777,0	124,4		717,7	92,4	
17	Điện sản xuất	Tr.Kwh	898,0	155,0		955,0	106,4	
18	Điện thương phẩm	Tr.Kwh	2.394,0	370,0	5.450,0	2.228,1	93,1	40,9
19	Nước máy thương phẩm	nghìn m <sup>3</sup>	14.900,0	2.237,5	32.000,0	13.721,0	92,1	42,9
<b>III</b>	<b>Tổng mức lẻ hàng hóa và dịch vụ</b>	<b>Tỷ.đồng</b>	<b>18.054,9</b>	<b>3.079,6</b>	<b>41.855</b>	<b>18.271,6</b>	<b>101,2</b>	<b>43,7</b>
<b>IV</b>	<b>Xuất khẩu</b>							
<b>1</b>	<b>Tổng kim ngạch xuất khẩu</b>	<b>Tr.USD</b>	<b>13.907,8</b>	<b>1.631,4</b>	<b>29.500</b>	<b>11.312,9</b>	<b>81,3</b>	<b>38,3</b>
<b>2</b>	<b>Sản phẩm xuất khẩu chủ yếu</b>							
2.1	Sản phẩm may	Tr.USD	158,50	19,15	397,00	117,64	74,2	29,6
2.2	Chè các loại	Tr.USD	1,70	0,05	2,20	0,52	30,8	23,8
2.3	Sản phẩm từ chất dẻo	Tr.USD	41,80	0,01		0,06	0,1	
2.4	Giấy và các sản phẩm từ giấy	Tr.USD	1,0	0,3	2	1,1	107,6	48,9
2.5	Nhóm điện thoại, máy tính bảng và điện tử	Tr.USD	13.490,5	1.595,6	28.825	11.056,9	82,0	38,4
	- Điện thoại thông minh	Tr.USD	10.129,5	667,4	23.841	5.475,0	54,1	27,8
	- Máy tính bảng	Tr.USD	1.437,0	207,1		1.154,3	80,3	
	- Sản phẩm điện tử khác và phụ tùng	Tr.USD	1.924,0	721,1	4.984	4.427,6	230,1	88,8

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2019	Năm 2020			Tỷ lệ 6 tháng năm 2020 (%)	
			TH 6 tháng	TH tháng 5	Kế hoạch	ƯTH 6 tháng	So với cùng kỳ	So với KH
A	B	C	I	2	3	4	5=4/1	6=4/3
2.6	Sản phẩm từ sắt thép		42,2	6,8	84	41,3	97,8	49,4
2.7	Phụ tùng vận tải	Tr.USD	3,90	0,62		3,27	83,9	
2.8	Kim loại màu và tinh quặng KL màu	Tr.USD	139,8	8,2	255	85,3	61,0	33,4
<b>V</b>	<b>Nhập khẩu</b>							
<b>1</b>	<b>Tổng kim ngạch nhập khẩu</b>	<b>Tr.USD</b>	<b>7.905,0</b>	<b>911,1</b>		<b>6.260,8</b>	<b>79,2</b>	
1.1	Khu vực kinh tế trong nước	Tr.USD	147,0	18,3		83,9	57,1	
1.2	Khu vực có vốn đầu tư nước ngoài	Tr.USD	7.758,0	892,8		6.175	79,6	
<b>2</b>	<b>Sản phẩm nhập khẩu chủ yếu</b>							
2.1	Nguyên liệu và linh kiện điện tử	Tr.USD	7.561,4	874,3		6.056,1	80,1	
2.2	Máy móc TB, dụng cụ phụ tùng	Tr.USD	68,3	5,4		20,9	30,6	
2.3	Máy vi tính, SP điện tử và linh kiện	Tr.USD		4,4				
2.4	Vải các loại	Tr.USD	80,3	11,6		60,4	75,2	
2.5	Nguyên, phụ liệu dệt may	Tr.USD	7,6	1,0		4,7	62,0	
2.6	Sản phẩm từ sắt thép	Tr.USD	19,4	0,9		19,2	98,7	
2.7	Nguyên liệu CB thức ăn gia súc	Tr.USD	16,3	5,9		14,7	90,1	
2.8	Giấy các loại	Tr.USD	3,00	0,42		1,9	63,5	
2.9	Chất dẻo (plastic) nguyên liệu	Tr.USD	84,80	5,15		44,15	52,1	